

Chương 7

THỐNG KÊ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

7.1. KHÁI NIỆM, Ý NGHĨA HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

7.1.1. Khái niệm

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, nền kinh tế nước ta đã chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường. Sự thay đổi này đã làm thay đổi mạnh mẽ nền kinh tế. Để duy trì và phát triển doanh nghiệp của mình thì trước hết đòi hỏi các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả.

Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, không chỉ là mối quan tâm của bất kỳ ai mà là mối quan tâm của tất cả mọi người, mọi doanh nghiệp. Khi làm bất cứ điều gì. Đó cũng là vấn đề bao trùm và xuyên suốt, thể hiện trong công tác quản lý, bởi suy cho cùng quản lý kinh tế là để đảm bảo tạo ra kết quả và hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tất cả những cải tiến, những đổi mới về nội dung, phương pháp, biện pháp áp dụng trong quản lý chỉ thực sự đem lại ý nghĩa khi chúng làm tăng được hiệu quả kinh doanh, không những là thước đo về chất lượng, phản ánh tổ chức, quản lý kinh doanh, mà còn là vấn đề sống còn của doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn tồn tại và vươn lên thì trước hết đòi hỏi kinh doanh phải có hiệu quả. Hiệu quả sản xuất kinh doanh càng cao, doanh nghiệp càng có điều kiện tái sản xuất mở rộng, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ tiên tiến hiện đại. Kinh doanh có hiệu quả là tiền đề nâng cao phúc lợi cho người lao động, kích thích người lao động tăng năng suất lao động và là điều kiện nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Như vậy hiệu quả sản xuất kinh doanh là một phạm trù kinh tế, biểu hiện sự phát triển kinh tế theo chiều sâu, nó phản ánh trình độ khai thác và sử dụng các nguồn lực trong quá trình tái sản xuất nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh, với chi phí bỏ ra ít nhất mà đạt hiệu quả cao nhất.

7.1.2. ý nghĩa

- Qua phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đánh giá trình độ khai thác và tiết kiệm các nguồn lực đã có.

- Thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ, tạo cơ sở cho việc thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá sản xuất.

- Sản xuất kinh doanh phát triển với tốc độ cao.

- Trên cơ sở đó doanh nghiệp phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm trong quá trình sản xuất, đề ra các biện pháp nhằm khai thác mọi khả năng tiềm tàng để phấn đấu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh, tăng tích lũy, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

7.1.3. Bản chất hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bản chất của hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh là phản ánh mặt chất lượng của các hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực để đạt được mục tiêu cuối cùng là lợi nhuận.

7.1.4. Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo 3 lợi ích: cá nhân, tập thể và nhà nước.
- Hiệu quả của doanh nghiệp phải gắn liền hiệu quả của xã hội.
- Hoạt động của doanh nghiệp phải tuân theo hệ thống pháp luật hiện hành

7.1.5. Sự cần thiết nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hiệu quả kinh doanh là công cụ quản trị kinh doanh
- Hiệu quả kinh doanh không những cho biết trình độ sản xuất mà còn giúp tìm ra các biện pháp tăng kết quả và giảm chi phí kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả.
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh tức là đã nâng cao khả năng sử dụng các nguồn lực khan hiếm.
- Trong cơ chế kinh tế thị trường, việc nâng cao hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh là điều kiện cần để doanh nghiệp tồn tại và phát triển.

7.2. PHÂN LOẠI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

7.2.1. Căn cứ theo phạm vi tính toán

Bao gồm:

- Hiệu quả kinh tế: là 1 phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực (nhân lực, tài liệu, vật lực, tiền vốn) để đạt được mục tiêu đề ra.
- Hiệu quả xã hội: phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu xã hội nhất định, đó là giải quyết công ăn việc làm trong phạm vi toàn xã hội hoặc từng khu vực kinh tế, giảm số người thất nghiệp, nâng cao trình độ lành nghề, cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức sống tối thiểu cho người lao động, nâng cao mức sống cho các tầng lớp nhân dân.
- Hiệu quả an ninh quốc phòng: Phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh với mục tiêu lợi nhuận nhưng phải đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trong và ngoài nước.
- Hiệu quả đầu tư: phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đem lại cho nhà đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn nguồn lực đã bỏ ra
- Hiệu quả môi trường: phản ánh việc khai thác và sử dụng các nguồn lực trong sản xuất kinh doanh với mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận nhưng phải xem xét mối tương quan giữa kết quả đạt được về kinh tế với việc đảm bảo về vệ sinh, môi trường và điều kiện làm việc của người lao động và khu vực dân cư.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp phải phấn đấu đạt đồng thời các loại hiệu quả trên, song trong thực tế khó có thể đạt đồng thời các mục tiêu hiệu quả tổng hợp đó.

7.2.2. Căn cứ theo nội dung tính toán

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phân thành:

- Hiệu quả dưới dạng thuận: hiệu quả sản xuất kinh doanh được đo lường bằng chỉ tiêu tương đối, biểu hiện quan hệ so sánh giữa chi phí đầu vào với kết quả đầu ra. Chỉ tiêu này cho biết cứ mỗi đơn vị đầu vào có khả năng tạo được bao nhiêu đơn vị đầu ra.

- Hiệu quả dưới dạng nghịch: Là chỉ tiêu biểu hiện quan hệ so sánh nhưng chỉ tiêu này cho biết để có được một đơn vị đầu ra cần bao nhiêu đơn vị chi phí đầu vào.

7.2.3. Căn cứ theo phạm vi tính

Bao gồm:


- Hiệu quả toàn phần: tính chung cho toàn bộ kết quả và toàn bộ chi phí của từng yếu tố hoặc tính chung cho tổng nguồn lực.

- Hiệu quả đầu tư tăng thêm: chỉ tính cho phần đầu tư tăng thêm (mới) và kết quả tăng thêm của thời kỳ tính toán.

7.3. PHƯƠNG PHÁP TÍNH HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, là một vấn đề phức tạp, có quan hệ với tất cả các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, (lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động); doanh nghiệp chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi các yếu tố cơ bản này được sử dụng có hiệu quả.

Để đánh giá chính xác, và có cơ sở khoa học hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thống kê cần phải xây dựng hệ thống chỉ tiêu đầy đủ, hoàn chỉnh vừa phản ánh một cách tổng hợp, vừa phản ánh được mức sinh lợi, và phản ánh hiệu quả của từng yếu tố sản xuất, từng loại vốn đầu tư .v.v. . . Để đảm bảo yêu cầu trên, thống kê thường sử dụng hai phương pháp tổng quát để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.


 *Phương pháp thứ nhất:*

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định dưới dạng hiệu số

Công thức

$$\text{Hiệu quả hoạt động SXKD} = \text{Kết quả đầu ra} - \text{Chi phí đầu vào} \quad (7.1)$$

Phương pháp này đơn giản, dễ tính nhưng có những mặt hạn chế nhất định, nó không phản ánh hết chất lượng kinh doanh, cũng như tiềm năng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, không thể dùng để so sánh hiệu quả sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp và bản thân doanh nghiệp qua các thời kỳ nghiên cứu khác nhau.

 *Phương pháp thứ hai:*

Hiệu quả hoạt động SXKD được xác định bằng cách so sánh theo 2 dạng:

- Dạng thuận

$$\text{Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh} = \frac{\text{Kết quả đầu ra}}{\text{Chi phí đầu vào}} \quad (7.2)$$

Theo phương pháp này, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh mức sinh lợi của các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất.

- Dạng nghịch

$$\text{Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh} = \frac{\text{Chi phí đầu vào}}{\text{Kết quả đầu ra}} \quad (7.3)$$

Chỉ tiêu này phản ánh, để tạo ra được 1 đơn vị kết quả đầu ra ta cần bao nhiêu đơn vị chi phí đầu vào.

Từ các công thức (7.1) ; (7.2) và (7.3) xác định hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Thông kê cần xác định chính xác những chỉ tiêu nào thuộc yếu tố đầu vào và chỉ tiêu nào thuộc yếu tố đầu ra, tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu thống kê lựa chọn yếu tố đầu vào và kết quả đầu ra để so sánh cho phù hợp.

Trong tình hình thực tế hiện nay, theo chế độ thống kê và kế toán doanh nghiệp. Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm hai nhóm:

Kết quả sản xuất

- Chỉ tiêu khối lượng sản phẩm hiện vật và hiện vật qui ước đã sản xuất .
- Chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp (GO)
- Chỉ tiêu giá trị gia tăng (VA)
- Chỉ tiêu giá trị gia tăng thuần (NVA)

Kết quả kinh doanh

- Chỉ tiêu khối lượng sản phẩm tiêu thụ.
- Chỉ tiêu doanh thu.
- Chỉ tiêu lợi nhuận .

Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp gồm ba nhóm:

Chi phí về lao động

- Tổng số giờ - người làm việc thực tế trong kỳ.
- Tổng số ngày - người làm việc thực tế trong kỳ.
- Số lượng lao động bình quân trong kỳ.
- Tổng quỹ lương.

Chi phí về vốn

- Tổng vốn sản xuất kinh doanh bình quân trong kỳ.
- Vốn cố định bình quân trong kỳ.
- Vốn lưu động bình quân trong kỳ.
- Tổng giá trị khấu hao trong kỳ.
- Tổng chi phí sản xuất trong kỳ.
- Tổng chi phí trung gian trong kỳ.

Chi phí về đất đai

- Tổng diện tích mặt bằng của doanh nghiệp.
- Tổng diện tích sử dụng vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa vào các chỉ tiêu kết quả và chỉ tiêu chi phí thu thập được, ta sẽ tính được một số chỉ tiêu hiệu quả. Giả sử ta thu thập được các chỉ tiêu kết quả là giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), lợi nhuận kinh doanh (LN) v.v. . và các chỉ tiêu chi phí là giá trị tài sản cố định bình quân (\bar{G}), tổng chi phí sản xuất (C), số lượng lao động bình quân (T). Ta có thể nêu các chỉ tiêu thống kê hiệu quả kinh tế dưới dạng thuận trong bảng sau:

Bảng 7-1

KQ Chi phí	GO	VA	Lợi nhuận
T	$W = GO/T$	$W = VA/T$	Tỷ suất lợi nhuận = Lợi nhuận/T
\bar{G}	$H = GO/\bar{G}$	$H = VA/\bar{G}$	$H_L = \text{Lợi nhuận} / \bar{G}$
C	NSSD chi phí = GO/C	NSSD chi phí = VA/C	Tỷ suất lợi nhuận tính theo chi phí Lợi nhuận/ chi phí

Tương tự xây dựng các chỉ tiêu thống kê hiệu quả kinh tế dưới dạng nghịch

7.4. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Bao gồm

7.4.1. Chi phí trên 1 đồng (hoặc 1.000 đồng) doanh thu

Là chỉ tiêu phản ánh số chi phí doanh nghiệp phải chi ra để có 1 đồng (hoặc 1.000đ) doanh thu thuần.

Công thức:

$$\text{Chi phí trên 1 đồng (1.000 đồng) doanh thu} = \frac{\text{Các khoản chi phí trong sản xuất KD}}{\text{Doanh thu thuần}} \quad (7.4)$$

Các khoản chi phí trong sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Giá vốn hàng bán.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí khác.

Ý nghĩa: chi phí trên 1 đồng (hoặc 1.000đ) doanh thu càng gần đến 1 hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp càng thấp.

7.4.2. Lợi nhuận trên 1 đồng (hoặc 1.000đ) doanh thu thuần

Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 đồng (hoặc 1.000 đ) doanh thu thuần của doanh nghiệp tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Công thức

$$\text{Lợi nhuận trên 1 đ (hoặc 1.000đ) doanh thu thuần} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu thuần}} \quad (7.5)$$

Trong đó

- Lợi nhuận là lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế hoặc lợi nhuận sau thuế tùy theo mục đích phân tích.

- Doanh thu là doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc bao gồm cả thu nhập khác.

7.4.3. Hệ số doanh lợi của vốn kinh doanh

Chỉ tiêu hệ số doanh lợi của vốn kinh doanh, cho biết cứ một đơn vị vốn kinh doanh đem lại bao nhiêu đơn vị lợi nhuận

Công thức

$$\text{Hệ số doanh lợi của vốn kinh doanh} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn kinh doanh}} \quad (7.6)$$

Ý nghĩa: hệ số doanh lợi của vốn kinh doanh càng lớn, hiệu quả kinh doanh càng cao, tình hình tài chính càng lành mạnh và ngược lại.

7.4.4. Hệ số khả năng sinh lợi của tài sản

Hệ số này phản ánh khả năng sinh lời của vốn, tồn tại dưới hình thức vật chất của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Công thức

$$\text{Hệ số khả năng sinh lợi của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} + \text{Số lãi tiền vay phải trả}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \quad (7.7)$$

Ý nghĩa: hệ số khả năng sinh lợi của tài sản, không phụ thuộc vào cơ cấu vốn và cho biết cứ 1 đơn vị tài sản đầu tư vào kinh doanh, đem lại bao nhiêu đơn vị lợi nhuận sau thuế và nguồn trả lãi ngân hàng.

7.4.5. Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu này phản ánh một đồng vốn chủ sở hữu, tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ sẽ tạo ra được bao nhiêu lợi nhuận.

Công thức

$$\text{Khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \quad (7.8)$$

Ý nghĩa: khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu càng lớn, thì hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp càng cao, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.

7.4.6. Hiệu quả kinh tế của sử dụng vốn cố định

7.4.6.1. Hiệu quả sử dụng vốn cố định

Là chỉ tiêu tương đối biểu hiện quan hệ so sánh giữa kết quả sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp thu được trong kỳ so với số vốn cố định bình quân, mà doanh nghiệp đã sử dụng trong kỳ.

Công thức

$$\text{Hiệu quả sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn cố định bình quân}} \quad (7.9)$$

Ý nghĩa: cứ một đồng vốn cố định bình quân được sử dụng trong kỳ, sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu.

Vốn cố định bình quân được xác định theo các công thức:

$$\overline{V_{CD}} = \frac{V_{DK} + V_{CK}}{2} \quad (7.10)$$

Trong đó:

- + V_{DK} : Vốn cố định có đầu kỳ
- + V_{CK} : Vốn cố định có cuối kỳ
- + $\overline{V_{CD}}$: Vốn cố định bình quân.

7.4.6.2. Hiệu suất sử dụng vốn cố định

Là chỉ tiêu nghịch đảo của chỉ tiêu hiệu quả

Công thức

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Vốn cố định bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \quad (7.11)$$

Ý nghĩa: để tạo ra một đồng doanh thu trong kỳ, doanh nghiệp phải sử dụng bao nhiêu đồng vốn cố định.

7.4.6.3. Khả năng sinh lợi của tài sản cố định

Chỉ tiêu này cho biết cứ 1 đơn vị nguyên giá, (hoặc giá trị còn lại) của tài sản cố định tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh đem lại bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Công thức

$$\text{Hệ số khả năng sinh lợi của TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Nguyên giá bình quân của TSCĐ}} \quad (7.12)$$

Nguyên giá bình quân của tài sản cố định được tính theo công thức (4.2) ; (4.3) chương 4.

Ý nghĩa: khả năng sinh lợi càng cao, hiệu quả sử dụng tài sản cố định của doanh nghiệp càng cao và ngược lại

7.4.7. Hiệu quả kinh tế của sử dụng vốn lưu động

7.4.7.1. Số vòng quay của vốn lưu động

Công thức

$$L = \frac{M}{V_{LD}} \quad (7.13)$$

Trong đó:

- + L: số vòng quay của vốn lưu động
- + M: tổng mức luân chuyển của vốn lưu động (doanh thu thuần)
- + $\overline{V_{LD}}$: vốn lưu động bình quân.

Ý nghĩa: chỉ tiêu này cho biết bình quân trong năm vốn lưu động quay bao nhiêu vòng.

Vốn lưu động bình quân được xác định theo các công thức:

- ✚ Vốn lưu động ít biến động, không theo dõi được thời gian biến động

Công thức

$$\overline{V_{LD}} = \frac{V_{DK} + V_{CK}}{2} \quad (7.14)$$

Trong đó:

- + V_{DK} : Vốn lưu động có đầu kỳ
- + V_{CK} : Vốn lưu động có cuối kỳ
- ✚ Vốn lưu động biến động tăng (giảm) tại nhiều thời điểm có khoảng cách thời gian bằng nhau

Công thức

$$\overline{V_{LD}} = \frac{\frac{V_1}{2} + V_2 + V_3 + \dots + \frac{V_n}{2}}{n-1} \quad (7.15)$$

Trong đó: V_1 ; V_2 , ... V_n : vốn lưu động có ở từng thời điểm trong kỳ nghiên cứu.

7.4.7.2. Kỳ luân chuyển bình quân của vốn lưu động

Công thức

$$K = \frac{T}{\frac{M}{\overline{V_{LD}}}} \quad (7.16)$$

Trong đó:

- + K: kỳ luân chuyển bình quân của vốn lưu động
- + T: số ngày dương lịch trong kỳ (T = 360 ngày)

Hoặc:

$$\text{Kỳ luân chuyển bình quân của vốn lưu động} = \frac{(T \times \text{số vốn lưu động bình quân})}{\text{Doanh thu thuần}} \quad (7.17)$$

Ý nghĩa: chỉ tiêu này cho biết bình quân vốn lưu động quay 1 vòng thì mất bao nhiêu ngày.

7.4.7.3. Khả năng sinh lợi của tài sản lưu động

Chỉ tiêu này cho biết, một đơn vị vốn lưu động bình quân tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ, sẽ tạo ra được bao nhiêu đơn vị lợi nhuận.

Công thức

$$\text{Hệ số khả năng sinh lợi của TSLĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Giá trị TSLĐ bình quân trong kỳ}} \quad (7.18)$$

Ý nghĩa: khả năng sinh lợi của tài sản lưu động càng cao, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp càng cao và ngược lại

7.4.7.4. Mức đảm nhiệm của vốn lưu động

Công thức

$$\text{Mức đảm nhiệm của vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} \quad (7.19)$$

Ý nghĩa: để có được một đơn vị doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, thì cần phải chi bao nhiêu đồng vốn lưu động bình quân.

Câu hỏi ôn tập

1. Hãy phân biệt sự khác nhau giữa hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả kinh tế.
2. Anh (chị) hãy tự cho ví dụ với 3 chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh và 3 chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh (không cần số liệu), anh (chị) hãy xác lập các chỉ tiêu hiệu quả dạng thuận và dạng nghịch.
3. Hãy trình bày các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.